

Số: 311 /QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 17 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 78/SNN-KL ngày 13/01/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Du lịch; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVNN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**  
  
**Đoàn Ngọc Lâm**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.**

*(Kèm theo Quyết định số 311 /QĐ-UBND ngày 17 / 02 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)*

Để triển khai việc thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 (sau đây gọi tắt là Chương trình) kịp thời, thống nhất và hiệu quả, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình với các nội dung sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình; triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cần ưu tiên thực hiện Chương trình; xây dựng các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, kịp thời và thống nhất.

Triển khai thực hiện hiệu quả, có chất lượng các nhiệm vụ của UBND tỉnh được giao trong Chương trình nhằm nâng cao công tác quản lý, điều hành; gắn kết chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành Trung ương với UBND tỉnh và các tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương.

#### **2. Yêu cầu**

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo đầy đủ nội dung, cụ thể hóa các định hướng và giải pháp của Chương trình đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức liên quan nhằm tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai, thực hiện Chương trình.

Trên cơ sở nội dung định hướng, giải pháp của Chương trình và Kế hoạch này, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan triển khai các nhiệm vụ cụ thể, chi tiết; đồng thời, tổ chức thực hiện hiệu quả nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, định hướng, giải pháp đã đặt ra trong Chương trình và Kế hoạch thực hiện của UBND tỉnh.

Tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án thực hiện Chương trình đảm bảo hiệu quả, thường xuyên.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển lâm nghiệp thực sự trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật theo hướng hiện đại, hiệu quả và sức cạnh tranh cao, liên kết theo chuỗi từ phát triển rừng, bảo vệ rừng, sử dụng rừng đến chế biến và thương mại lâm sản; quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích rừng và diện tích đất quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp; phát huy tiềm năng, vai trò và tác dụng của rừng để đóng góp ngày càng quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội; góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu tác động tiêu cực do thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ, lưu giữ các-bon từ rừng, góp phần thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26); góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh.

### 2. Mục tiêu cụ thể

Bảo vệ và phát triển bền vững toàn bộ diện tích rừng hiện có và diện tích rừng được tạo mới trong giai đoạn 2021 - 2025; duy trì ổn định độ che phủ rừng ở mức 68%; tiếp tục nâng cao năng suất, chất lượng rừng, đáp ứng yêu cầu về cung cấp nguyên liệu cho sản xuất và tiêu dùng, phòng hộ và bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động tiêu cực do thiên tai, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt 5,0 - 5,5%/năm. Góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người tham gia các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng. Đến năm 2025, thu nhập từ rừng trồng là rừng sản xuất tăng khoảng 1,5 lần/đơn vị diện tích so với năm 2020.

## III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

### 1. Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, đặc biệt là đối với diện tích rừng tự nhiên; đảm bảo cơ cấu 3 loại rừng hợp lý (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất); thực hiện hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng. Hoàn thành việc định giá rừng và xây dựng khung giá các loại rừng trên địa bàn toàn tỉnh.

100% diện tích rừng của các ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ và các chủ rừng là tổ chức thuộc các thành phần kinh tế được quản lý hiệu quả.

Thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu rừng đặc dụng (vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên,...), các khu rừng có tính đa dạng sinh học cao.

### 2. Phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng

#### a) Đối với rừng tự nhiên

Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 572 ha (khoanh nuôi chuyên tiếp), khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung 1.370 ha/năm (khoanh

nuôi mới). Thực hiện hiệu quả các biện pháp kỹ thuật lâm sinh để nuôi dưỡng, làm giàu rừng tự nhiên.

b) Đối với rừng trồng

- Trồng rừng tập trung bình quân 8.000 ha/năm, gồm: 500 ha/năm rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; 7.500 ha/năm rừng sản xuất (trồng mới 300 ha/năm, trồng lại sau khai thác 7.200 ha/năm), trong đó, 30% diện tích là trồng rừng gỗ lớn. Chăm sóc rừng trồng bình quân 26.503 ha/năm.

Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, đến năm 2025, năng suất rừng trồng đạt bình quân 20 m<sup>3</sup>/ha/năm, sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng đạt 550.000 m<sup>3</sup>. Đối với rừng trồng chuyển hoá: đưa năng suất rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn đạt bình quân trên 15 m<sup>3</sup>/ha/năm.

c) Phát triển lâm sản ngoài gỗ: đến năm 2025, diện tích cây lâm sản ngoài gỗ đạt khoảng 800 ha.

d) Trồng cây phân tán: 1,953 triệu cây.

### 3. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng

Hoàn thành việc xây dựng và phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của các chủ rừng trên địa bàn toàn tỉnh (đặc biệt là chủ rừng quản lý rừng thuộc sở hữu nhà nước).

Tổ chức quản lý, khai thác hiệu quả đối với diện tích rừng sản xuất là rừng trồng, đến năm 2025, diện tích rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt 7.500 ha.

4. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

## IV. CÁC NỘI DUNG ƯU TIÊN

1. Bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng ven biển

a) Đầu tư bảo vệ và phát triển bền vững đối với diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên hiện có, thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án về bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng.

b) Đầu tư khôi phục, phát triển hệ thống rừng phòng hộ, nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển với suất đầu tư được xác định theo quy định của pháp luật, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và điều kiện cụ thể của nơi trồng.

c) Đầu tư trang thiết bị bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng; xây dựng kết cấu hạ tầng bảo vệ rừng, bảo tồn, phát triển rừng tại các Ban Quản lý rừng, đảm bảo đủ điều kiện cho các hoạt động thường xuyên cho công tác tuần tra bảo vệ rừng. Hỗ trợ xây dựng đường lâm nghiệp cho các đơn vị, địa phương có vùng nguyên liệu tập trung, nơi có điều kiện kinh tế xã hội, khó khăn.

d) Tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng; xây dựng, hoàn thiện, vận hành hệ thống giám sát rừng tự động phát hiện cháy rừng; ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quản lý, điều tra, kiểm kê, giám sát diễn biến tài nguyên rừng.

## 2. Phát triển giống cây lâm nghiệp, trồng rừng gỗ lớn

Hỗ trợ đầu tư phát triển giống cây lâm nghiệp và lâm sản ngoài gỗ, gồm: chọn, tạo, chuyển giao, sản xuất, cung ứng giống theo hướng công nghiệp và chất lượng cao.

Hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, rừng chuyên hoá rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn.

## 3. Phát triển lâm sản ngoài gỗ

Hỗ trợ phát triển lâm sản ngoài gỗ theo thế mạnh của từng địa phương, vùng, miền và phù hợp với nhu cầu của thị trường.

## 4. Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản

Hỗ trợ đầu tư, phát triển công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản theo cơ chế, chính sách về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn và quy định của pháp luật liên quan.

## V. DỰ KIẾN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Dự kiến nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025: 2.194,2 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước: 407,0 tỷ đồng. Trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 282,7 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);

+ Ngân sách địa phương: 124,3 tỷ đồng. Trong đó, vốn đầu tư phát triển: 106,8 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách tỉnh quản lý đã bố trí cho 05 dự án gồm: (1) Dự án Đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khe nước Trong thuộc khu DTTN Động Châu - Khe nước Trong; (2) Dự án Nâng cấp, xây dựng mới các hạt, trạm kiểm lâm thuộc chi cục Kiểm lâm; (3) Dự án Xây dựng mới các Trạm và Chốt Kiểm lâm (Trạm Kiểm lâm Thượng Hóa, Trạm Kiểm lâm Khe Gát, Chốt Kiểm lâm Cây Ngá, Chốt Kiểm lâm 39, Chốt Kiểm lâm và Điểm dừng chân Trạ Ang); (4) Dự án Đường phòng cháy, chữa cháy kết hợp tuần tra bảo vệ rừng và du lịch sinh thái từ Km3 đường Hồ Chí Minh nhánh Tây đến sân bay Khe Gát; (5) Dự án Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 tại các Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và số 59/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh); vốn sự nghiệp 17,5 tỷ đồng (vốn bảo vệ rừng theo Quyết định 07/2012/QĐ-TTg).

- Nguồn vốn hợp pháp khác: 1.787,2 tỷ đồng. Trong đó:

+ Dịch vụ môi trường rừng: 44,8 tỷ đồng;

+ Vốn trồng rừng thay thế tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng: 89,6 tỷ đồng.

+ Vốn doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tự đầu tư: 1.652,8 tỷ đồng. ✓

## VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách đầu tư hiện hành theo quy định của pháp luật.

Rà soát, đánh giá, đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách hiện hành hoặc đề xuất xây dựng chính sách mới để thực hiện Chương trình; tăng cường công tác hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện pháp luật lâm nghiệp.

### 2. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật

Tăng cường truyền thông về vai trò, giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, vai trò của rừng với giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ và lưu giữ các bon, ứng phó với biến đổi khí hậu, vai trò quốc phòng và an ninh của rừng; nâng cao nhận thức về phát triển rừng bền vững, rừng trồng gỗ lớn có năng suất, chất lượng cao, sử dụng lâm sản có nguồn gốc hợp pháp; phổ biến pháp luật về lâm nghiệp cho người dân, nâng cao ý thức xã hội về quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng chống chặt, phá rừng trái pháp luật.

### 3. Quản lý quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp

a) Phối hợp xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển lâm nghiệp, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo đảm quản lý rừng bền vững; khai thác, sử dụng rừng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao giá trị kinh tế của rừng và giá trị văn hóa, lịch sử; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế của người dân.

b) Quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về mua, bán, chuyển nhượng rừng và đất lâm nghiệp trái phép.

c) Tiếp tục giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và các thành phần kinh tế theo quy định của pháp luật để đảm bảo toàn bộ diện tích rừng đều có chủ rừng thực sự, đồng thời nâng cao hiệu quả trong quản lý rừng, phát triển rừng.

d) Khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết hợp tác trong trồng rừng, phát triển rừng, chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ, phát triển các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản.

### 4. Kện toàn, đổi mới tổ chức sản xuất

a) Tiếp tục thực hiện nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp nhà nước; khuyến khích thành lập các công ty cổ phần, hợp tác xã lâm nghiệp và các hình thức liên kết hợp tác giữa các chủ rừng trong phát triển rừng sản xuất để hình thành vùng nguyên liệu tập trung phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thúc đẩy triển khai thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp trong lĩnh vực lâm nghiệp.

b) Tổ chức sản xuất theo liên kết chuỗi từ trồng rừng đến khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gỗ rừng trồng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực cạnh tranh; khuyến khích thành lập các doanh nghiệp lớn, có uy tín, có thương hiệu trong sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản gắn với vùng nguyên liệu.

c) Khuyến khích thành lập các hiệp hội hỗ trợ phát triển rừng sản xuất, các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ,...; nâng cao năng lực cho chủ rừng, doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất, thương mại trong nước và quốc tế; phối hợp xây dựng Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ.

d) Tiếp tục nghiên cứu, nhân rộng các mô hình hợp tác trong lâm nghiệp; thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân, hộ gia đình góp cùng doanh nghiệp để tổ chức sản xuất lâm nghiệp hàng hóa; khai thác và tận dụng lợi thế về lâm nghiệp của tỉnh, xây dựng và phát triển các vùng sản xuất quy mô lớn.

### 5. Khoa học, công nghệ và khuyến lâm

a) Triển khai thực hiện các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, chọn tạo cải thiện giống cây lâm nghiệp, lâm sản ngoài gỗ (cây bản địa, cây nhập nội có năng suất, chất lượng cao, bảo vệ môi trường); kỹ thuật thâm canh rừng và trồng rừng gỗ lớn; ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong các khâu tạo nguồn giống, trồng rừng, khai thác, chế biến gỗ và lâm sản để nâng cao năng suất, chất lượng; công tác bảo tồn đa dạng sinh học... Chú trọng thực hiện các chương trình nghiên cứu, phát triển công nghệ chế biến gỗ và lâm sản; phát triển công nghiệp phụ trợ; đề xuất xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành. Có cơ chế gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp và người trồng rừng. Kết hợp nghiên cứu với đào tạo, chuyển giao công nghệ và hoạt động khuyến lâm. Ứng dụng công nghệ trong phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng sản xuất; quản lý nguyên liệu và sản xuất sản phẩm lâm sản từ gỗ rừng trồng.

b) Tăng cường năng lực quản lý, điều phối, giám sát lĩnh vực lâm nghiệp. Duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về theo dõi, giám sát đánh giá Chương trình gắn với công tác thống kê ngành lâm nghiệp; tổ chức thực hiện hiệu quả điều tra, đánh giá tài nguyên rừng; tăng cường năng lực báo cáo, đảm bảo thông suốt, kịp thời, hiệu quả, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành. Thực hiện chuyển đổi số trong theo dõi, giám sát, quản lý tài nguyên rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

### 6. Phát triển nguồn nhân lực

Khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp và các tổ chức đào tạo thực hiện hợp tác trong đào tạo, nâng cao kỹ năng cho lao động của doanh nghiệp. Mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ, chuyển giao kỹ thuật và quy trình sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường, hướng tới phát triển lâm nghiệp bền vững.

## 7. Hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại

a) Tranh thủ nguồn vốn của các chương trình, dự án hợp tác quốc tế song phương, đa phương để phát triển lâm nghiệp, trong đó ưu tiên các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển rừng ven biển gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ, lưu giữ các-bon từ rừng, dịch vụ môi trường rừng; các chương trình, dự án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong ngành lâm nghiệp.

b) Chủ động mở rộng hợp tác quốc tế, tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; chủ động thích ứng với những rào cản kỹ thuật, quy định pháp lý của các thị trường nhập khẩu.

c) Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong tiêu thụ và thương mại lâm sản; đảm bảo hài hòa lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng; tạo động lực thị trường, thúc đẩy sản xuất lâm nghiệp phát triển.

## 8. Huy động các nguồn vốn

Thực hiện đa dạng nguồn vốn để thực hiện Chương trình tại địa phương, tăng cường huy động vốn từ các nguồn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng, để thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi Chương trình, đảm bảo không trùng lặp với các Chương trình, dự án khác đang triển khai tại địa phương.

## 9. Lồng ghép, phối hợp với các Chương trình, đề án khác

a) Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình tại địa phương với các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án liên quan đến công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn nhằm huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện hiệu quả các Chương trình.

b) Phối hợp triển khai hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 theo Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các kế hoạch thực hiện Chương trình, Đề án trong lĩnh vực lâm nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt như: (1) Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025” theo Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; (2) Đề án Phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng gắn với trồng rừng gỗ lớn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2019 - 2025; (3) Đề án Bảo vệ và Phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2030; (4) Kế hoạch số 2305/KH-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025, các chương trình, đề án khác trong Chiến lược, các đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. ✓



## 10. Quản lý, điều hành thực hiện Chương trình

Kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về Chương trình trên cơ sở Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 để chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình tại địa phương, đảm bảo hiệu quả. KIỆN TOÀN CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ ĐẠO CHƯƠNG TRÌNH CẤP TỈNH, GIÚP BAN CHỈ ĐẠO CẤP TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG.

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình theo quy định; tổ chức thực hiện các dự án do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp quản lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

b) Tham mưu đề xuất kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình, kiện toàn Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các cơ quan liên quan điều hành, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình tại địa phương, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

d) Chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; định kỳ báo cáo hằng năm (hoặc đột xuất), sơ kết, tổng kết đánh giá về kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo UBND tỉnh.

đ) Phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính tổng hợp, cân đối, bố trí nguồn vốn thực hiện Chương trình tại địa phương.

### 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối kế hoạch vốn để thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025 đối với nguồn vốn thuộc nhiệm vụ tham mưu phân bổ tại các Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và số 59/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh.

### 3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối bố trí vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật liên quan.

### 4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh phân bổ chỉ tiêu đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất cho các địa phương; tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc và tổ chức thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lâm nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

### 5. Sở Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố,

thị xã và các chủ rừng liên quan, nghiên cứu xác định địa điểm và sản phẩm du lịch sinh thái. Hướng dẫn các đơn vị, địa phương hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng...

#### 6. Ban Dân tộc tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai có hiệu quả các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

#### 7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình ở địa phương; xây dựng, phê duyệt và triển khai các dự án của địa phương để thực hiện Chương trình.

b) Bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Chương trình trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

c) Chỉ đạo lồng ghép việc thực hiện Chương trình và các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo thống nhất, hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện giao đất, cho thuê đất, kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo đúng quy định.

đ) Tổ chức triển khai, quản lý, đánh giá kết quả thực hiện các dự án thuộc địa phương quản lý; tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình ở địa phương.

#### 8. Các chủ rừng

Bảo vệ và phát triển các diện tích rừng được giao quản lý sử dụng theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Tổ chức xây dựng phương án quản lý rừng bền vững theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững. Xây dựng các đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững được duyệt.

#### 9. Các sở, ngành liên quan

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện Chương trình; tham gia kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh./.